

## THÔNG BÁO

### Về việc bổ sung thông tin vào danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 về việc ban hành Nghị quyết chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trên cơ sở ý kiến tham gia, đề xuất của các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về dự thảo Danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh và đề xuất phương án tổ chức Hội nghị hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn cấp tỉnh (dự kiến vào tháng 12/2020). Tuy nhiên, do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Hội nghị hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn cấp tỉnh không tổ chức theo kế hoạch.

Để hoàn thiện dự thảo Danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn báo cáo UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Danh mục dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo đến các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và nhà đầu tư một số nội dung sau:

1. Thông báo Danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 (có Biểu Danh mục dự án kèm theo).

2. Căn cứ vào Danh mục dự án, đề nghị các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, nhà đầu tư, rà soát, bổ sung các cột nội dung: Doanh nghiệp dự kiến đầu tư; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; công nghệ áp dụng; ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng; thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư và các nội dung khác (nếu có).

Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên cùng đăng ký thực hiện dự án đầu tư trên cùng địa điểm thì Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Văn bản rà soát, bổ sung nội dung thông tin Danh mục dự án, đề nghị gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 10/01/2021** đồng thời gửi qua địa chỉ email [xuctiendautu.sonla@gmail.com](mailto:xuctiendautu.sonla@gmail.com) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

*(Thông báo này được đăng tải trên cổng thông tin của UBND tỉnh và trang thông tin của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

Sở Kế hoạch và Đầu tư trân trọng thông báo./.

Nơi nhận: *pk*

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Chi hội DN các huyện, thành phố;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Giám đốc sở;
- Lưu VT, KTĐN (K.06 bản).

GIÁM ĐỐC



Lê Hồng Chương

**DANH MỤC DỰ ÁN KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Dự kiến hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương)

(Kèm theo Thông báo số 2374 /TB-SKHĐT ngày 30/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Tên dự án	Tên Doanh nghiệp dự kiến đầu tư	Địa điểm	Quy mô/Công suất (km, ha, tấn)	Công nghệ áp dụng	Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu hỗ trợ (Theo Nghị định 57- trệu đồng)	Tiền độ thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Ghi chú
				<b>Tổng số</b>			971.500	226.900			
<b>1</b>	<b>Huyện Sốp Cộp</b>						<b>110.000</b>	<b>69.000</b>			
1.1	Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm, được liệt		Bản Pát, xã Dòem Cang, huyện Sốp Cộp	Dây chuyền máy sấy Ngô (01 máy bóc tách; 01 lò sấy; 01 máy làm sạch; 01 máy đóng bao); dây chuyền máy sấy sản (01 máy làm sạch; 01 máy bán sản; 01 lò sấy sinh học; 01 máy đóng bao); Hệ thống điện hạ thế phục vụ sơ chế, chế biến nông, lâm sản và cây được liệt; Xưởng bảo quản, xưởng chế biến; và các hạng mục phụ trợ. Công suất 20.000 tấn/năm			25.000	15.000			
1.2	Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm, được liệt: Dây chuyền máy sấy Ngô, sản; Hệ thống điện; kho chứa, kho chế biến; kho lạnh; sân phơi bê tông.		Bản Sốp Năm, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	15.000 tấn/năm			20.000	12.000			
1.3	Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm, được liệt: Dây chuyền máy sấy Ngô, sản; Hệ thống điện; kho chứa, kho chế biến; kho lạnh; sân phơi bê tông.		Bản Sốp Năm, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	15.000 tấn/năm			20.000	12.000			
1.4	Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm, được liệt: Dây chuyền máy sấy Ngô, sản; Hệ thống điện; kho chứa, kho chế biến; kho lạnh; sân phơi bê tông; hệ thống nước sạch, hệ thống xử lý nước thải; hệ thống hàng rào bảo vệ.		Bản Sốp Năm, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	15.000 tấn/năm			25.000	15.000			
1.5	Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm, được liệt: Dây chuyền máy sấy Ngô, sản; Hệ thống điện; xưởng nhà kho; sân phơi bê tông; hệ thống hàng rào bảo vệ.		Bản Sốp Cộp, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	18.000 tấn/năm			20.000	15.000			
<b>2</b>	<b>Huyện Mai Sơn</b>						<b>400.000</b>	<b>15.000</b>			
2.1	Xây dựng cơ sở chế biến hoa quả		xã Hát Lót	300.000 tấn quả tươi/năm			400.000,0	15.000			
<b>3</b>	<b>Huyện Quỳnh Nai</b>						<b>30.000</b>	<b>15.000</b>			
3.1	Dự án hỗ trợ xây dựng cơ sở chế biến, cơ sở bảo quản quả mắc ca, được liệt.		Xã Mường Giôn	Vùng nguyên liệu mắc ca 200ha, được liệt 30 ha; diện tích khu chế biến 1 ha; công suất 500-1000 tấn sản phẩm/năm			30.000,0	15.000			

STT	Tên dự án	Tên Doanh nghiệp dự kiến đầu tư	Địa điểm	Quy mô/Công suất (km, ha, tấn)	Công nghệ áp dụng	Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu hỗ trợ (Theo Nghị định 57- triệu đồng)	Trên độ thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Ghi chú
4	<b>Thành phố Sơn La</b>						<b>260.000</b>	<b>59.000</b>			
4.1	Dự án sơ chế, chế biến cà phê không gây ô nhiễm môi trường ( <i>sơ chế theo phương pháp chế biến mới ong</i> )		Hòa La, Chiềng Đen	5000 tấn quả tươi/năm; 5 Ha/ điểm			30.000	15.000			
4.2	Dự án đầu tư cơ sở bảo quản, sơ chế, chế biến quả		Chiềng Sinh	03 ha			30.000	15.000			
4.3	Thu gom chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt tại nông thôn		Huà Lạ, Chiềng Đen, Chiềng Ngần, Chiềng Ngần	05 dự án tại 05 xã, đảm bảo thu gom 80% lượng chất thải, khoảng 50 tấn / ngày			150.000	5.000			
4.4	Dự án sản xuất rau, quả ứng dụng công nghệ cao		Chiềng Sinh, Chiềng Ngần	30 ha			15.000	9.000			
4.5	Dự án nuôi bò 3B và sơ chế, bảo quản, chế biến, nông lâm sản tại Thành phố Sơn La		Bản Phương, Chiềng Ngần	350-450 con; sơ chế bảo quản nông lâm sản 15.000 tấn/năm			35.000	15.000			
5	<b>Huyện Thuận Châu</b>						<b>25.000</b>	<b>15.000</b>			
5.1	Trồng và chế biến quả mắc ca		Các xã trên địa bàn huyện	Vùng nguyên liệu mắc ca 300ha; diện tích khu chế biến 1 ha; công suất 500-1000 tấn sản phẩm/năm			25.000	15.000			
6	<b>Huyện Mộc Châu</b>						<b>55.000</b>	<b>20.000</b>			
6.1	Cơ sở chế biến nông sản		Thị trấn Nông trường	5.000 tấn quả tươi/năm			15.000	9.000			
6.2	Cơ sở giết mổ gia súc gia cầm		Xã Đông Sang, xã Mường Sang	20 con trâu, bò, ngựa/ngày; 100 con lợn, dê/ngày; 500 con gia cầm/ngày			10.000	6.000			
6.3	Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa và các công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản		TT Nông Trường, TT Mộc Châu, xã Đông Sang, xã Mường Sang, xã Phiêng Luông, xã Tân Lập.	Đầu tư hệ thống nhà lưới, tưới tự động; hệ thống truy xuất nguồn gốc ...			30.000	5.000			
7	<b>Huyện Phù Yên</b>						<b>31.500</b>	<b>18.900</b>			

STT	Tên dự án	Tên Doanh nghiệp dự kiến đầu tư	Địa điểm	Quy mô/Công suất (km, ha, tấn)	Công nghệ áp dụng	Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu hỗ trợ (Theo Nghị định 57- triệu đồng)	Tiến độ thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Ghi chú
7.1	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung		Huy Bắc	30 trâu bò/ngày; 200 con lợn, dê/ngày; 1.500 con gia cầm/ngày			13.500	8.100			
7.2	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung		Gia Phú	10 trâu bò/ngày; 100 con lợn, dê/ngày; 500 con gia cầm/ngày			9.000	5.400			
7.3	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung		Mường Cơi	10 trâu bò/ngày; 100 con lợn, dê/ngày; 500 con gia cầm/ngày			9.000	5.400			
<b>8</b>	<b>Huyện Văn Hồ</b>						<b>60.000</b>	<b>15.000</b>			
8.1	Đầu tư cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm, tập trung công nghiệp		xã Song Khùa, Liên Hòa	30 ha			60.000	15.000			

**DANH MỤC DỰ ÁN KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Thông báo số 2374/TB-SKHĐT ngày 30/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

STT	Tên dự án	Tên Doanh nghiệp dự kiến đầu tư	Địa điểm	Quy mô/Công suất (km, ha, tấn)	Công nghệ áp dụng	Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu hỗ trợ (Theo Nghị quyết 128- triệu đồng)	Tiến độ thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Huyện Sông Mã</b>						<b>12.250</b>	<b>7.950</b>			
	<b>Tổng số</b>						<b>1.310.505</b>	<b>97.930</b>			
1.1	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả, cây lương thực		Bản Mé xã Nà Nghiu, huyện Sông Mã	Công trình Trạm bơm thủy lợi bơm tưới phục vụ tưới tiêu cho 100 ha			750	450			
1.2	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả, cây lương thực		Bản C5 xã Chiềng Khoong huyện Sông Mã	Công trình Trạm bơm thủy lợi bơm tưới phục vụ tưới tiêu cho 100 ha			1.000	500			
1.3	Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản		Bản Trái giống, xã Nà Nghiu, huyện Sông Mã	500 tấn kho			1.500	1.000			
1.4	Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản		Nà Pán Nà Nghiu xã Nà Nghiu, huyện Sông Mã	500 tấn kho			1.500	1.000			
1.5	Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản		Bản Ten, xã Chiềng En, huyện Sông Mã	500 tấn kho			1.500	1.000			
1.6	Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản		Bản Phồng II, xã Bó Sinh, huyện Sông Mã	500 tấn kho			1.500	1.000			
1.7	Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản		bản Long Môn xã Huổi Mốt, huyện Sông Mã	500 tấn kho			1.500	1.000			
1.8	Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản		bản Nà Đưa xã Yên Hưng, huyện Sông Mã	500 tấn kho			1.500	1.000			
1.9	Dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản		bản Hưng Hà, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã	500 tấn kho			1.500	1.000			
<b>2</b>	<b>Huyện Mai Sơn</b>						<b>128.856</b>	<b>19.900</b>			
2.1	Xây dựng cơ sở sơ chế Cà Phê		Chiềng Ban, Chiềng Mung	5.000 tấn quả tươi/năm			2.800	1.000			

STT	Tên dự án	Tên Doanh nghiệp dự kiến đầu tư	Địa điểm	Quy mô/Công suất (km, ha, tấn)	Công nghệ áp dụng	Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu hỗ trợ (Theo Nghị quyết 128- triệu đồng)	Trên độ thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Ghi chú
2.2	Xây dựng nhà lạnh, Container bảo quản rau ăn lá, quả, củ		Thị trấn Hát Lót	1.000 tấn kho			8.100	1.000			
2.3	Xây dựng cơ sở sơ chế, kho lạnh bảo quản nông sản		Thị trấn Hát Lót; Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn	500 tấn kho (2.000 tấn sản phẩm/năm)			3.500	1.000			
2.4	Xây dựng nhà lạnh, Container bảo quản hoa quả		xã Cò Nòi	1000 tấn quả tươi/kho			8.100	1.000			
2.5	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung		xã Chiềng Mung	20 trâu bò/ngày; 150 con lợn, dê/ngày; 1000 con gia cầm/ngày			10.340	3.000			
2.6	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung		xã Cò Nòi	30 trâu bò/ngày; 200 con lợn, dê/ngày; 1.500 con gia cầm/ngày			13.596	3.000			
2.7	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung		xã Mương Bon	20 trâu bò/ngày; 100 con lợn, dê/ngày; 500 con gia cầm/ngày			9.180	3.000			
2.8	Ứng dụng Công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản (Nuôi trai lấy ngọc)		Hồ Tiên phong Xã Hát Lót	25.000 con/năm			4.340	1.000			
2.9	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả		Xã vùng II, III	Đầu tư lắp đặt hệ thống tưới âm, tưới tiết kiệm nước 200ha			10.000	500			
2.10	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả		Xã Cò Nòi, Hát Lót, Chiềng Mung	Đầu tư lắp đặt hệ thống tưới âm, tưới tiết kiệm nước 250ha			45.000	500			
2.11	Xây dựng nhà sơ chế, bảo quản nông sản (hoa quả tươi)		Bản Xuân Quế, Cò Nòi	500 tấn kho			1.400	900			
2.12	Xây dựng nhà sơ chế, bảo quản nông sản (hoa quả tươi)		TK19, TK16 Thị trấn Hát Lót; xã Chiềng Mung	501 tấn kho			3.500	1.000			
2.13	Xây dựng kho lạnh, nhà sơ chế nông sản, cơ sở chăn nuôi bò thịt tập trung		Xã Hát Lót, Xã Mương Bon	200 con bò thịt; 500 tấn kho			9.000	3.000			
<b>3</b>	<b>Huyện Quỳnh Nhai</b>						<b>190.000</b>	<b>8.500</b>			
3.1	Dự án liên kết sản xuất, tiêu thụ nuôi trồng thủy sản (200 lồng)		Xã Mường Giàng, Xã Chiềng Ôn, xã Chiềng Bằng, xã Pá Ma Pha Khimh	Đường vào khu sản xuất (200 lồng)			9.000	500			

STT	Tên dự án	Tên Doanh nghiệp dự kiến đầu tư	Địa điểm	Quy mô/Công suất (km, ha, tấn)	Công nghệ áp dụng	Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu hỗ trợ (Theo Nghị quyết 128- triệu đồng)	Trên độ thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Ghi chú
3.2	Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trồng cây ăn quả ven hồ		Xã Cà Nàng, Mường Chiên, Pá Ma Pha Khinh, Chiêng Ôn, Mường Sài, Mường Giàng, Chiêng Khoang, Chiêng Bàng, Năm Et	Hỗ trợ cơ sở hạ tầng (đường sản xuất, nhà kho, hệ thống tưới ẩm, giồng, phân bón) 500 ha			35.000	500			
3.3	Dự án liên kết sản xuất, tiêu thụ nuôi trồng thủy sản (200 lồng)		Xã Mường Giàng, xã Chiêng Ôn, xã Chiêng Bàng, xã Pá Ma Pha Khinh	200 lồng ; Đường sản xuất đổ bê tông khoảng 2km, nhà kho 200m <sup>2</sup>			9.000	500			
3.4	Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trồng cây ăn quả ven hồ		Xã Cà Nàng, Mường Chiên, Pá Ma Pha Khinh, Chiêng Ôn, Mường Sài, Mường Giàng, Chiêng Khoang, Chiêng Bàng, Năm Et	500 ha; Đường sản xuất khoảng 10km, hồ trợ giồng và phân bón, nhà kho 500m <sup>2</sup>			35.000	500			
3.5	Dự án liên kết chăn nuôi lợn tại Chiêng Bàng		Xã Chiêng Bàng	4.500 con lợn thịt và 100 con lợn nái; hồ trợ xây dựng chuồng trại 1.000m <sup>2</sup> và hệ thống xử lý phân, nước thải			10.000	500			
3.6	Dự án liên kết hỗ trợ trồng rừng sản xuất, trồng cây mắc ca, cây dược liệu cho HTX Mường Giôn		Xã Mường Giôn	500ha; Hồ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu 50 triệu đồng/ha; hồ trợ lãi suất vay thương mại khi dự án hoàn thành			70.000	500			
3.7	Dự án trồng và phát triển cây chanh leo xã Chiêng Khay		Xã Chiêng Khay	200 ha; đường sản xuất 3km, nhà kho 15m <sup>2</sup> , hệ thống tưới ẩm (Suta chĩa, nâng cấp hệ thống hiện có và hệ thống tưới ẩm tiết kiệm nước khoảng 2km)			12.000	5.000			
3.8	Dự án liên kết sản xuất, tiêu thụ và phát triển chăn nuôi đại gia súc tại Chiêng Bàng		Xã Chiêng Bàng	500 con con trâu, bò; hồ trợ xây dựng chuồng trại 600m <sup>2</sup> và hệ thống xử lý phân, nước thải			10.000	500			
4	<b>Thành phố Sơn La</b>						<b>30.000</b>	<b>3.500</b>			
4.1	Dự án liên kết theo chuỗi giá trị		TRUA LẠ, CHIENG ĐEN, CHIENG NGAN, CHIENG CO, CHIENG CA	Số lượng theo thực tế ngành hàng sản xuất			20.000	500			



STT	Tên dự án	Tên Doanh nghiệp dự kiến đầu tư	Địa điểm	Quy mô/Công suất (km, ha, tấn)	Công nghệ áp dụng	Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu hỗ trợ (Theo Nghị quyết 128- triệu đồng)	Tiến độ thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Ghi chú
4.2	Giết mổ gia súc, gia cầm tập trung		Chiềng Cơi, Chiềng Sinh	20 trâu bò/ngày; 150 con lợn, dê/ngày; 1000 con gia cầm/ngày; 0,25 Ha/ Điểm			10.000	3.000			
<b>5</b>	<b>Huyện Thuận Châu</b>						<b>74.500</b>	<b>13.000</b>			
5.1	Nhà máy chế biến quả sưa và được liệu		Chiềng Bôm	Vùng nguyên liệu: Sưa tra 5.100 ha, được liệu 500 ha; Diện tích khu chế biến: 3 ha; Công suất: 500 tấn/năm			4.000	2.000			
5.2	Nhà máy chế biến các loại quả		Tông Cọ	Vùng nguyên liệu: 3.500 ha; Diện tích khu chế biến: 3 ha; Công suất: 600 tấn/năm			4.000	2.000			
5.3	Liên kết sản xuất Chăn nuôi thùy sản tập trung		Liệp Tè	Quy mô: 1.500 lồng (5 ha); 600 tấn/năm			30.000	500			
5.4	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung		Tông Lạnh	10 trâu bò/ngày; 100 con lợn, dê/ngày; 500 con gia cầm/ngày			8.000	3.000			
5.5	Sản xuất và phát triển giống thùy sản		Tông Cọ	Quy mô khoảng 1ha			5.000	3.000			
5.6	Chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò thịt)		Cơ Mạ	Quy mô > 100 con			3.500	2.000			
5.7	Liên kết Chăn nuôi lợn các loại		Mường Khương	5.000 con lợn thịt và 100 con lợn nái; hỗ trợ xây dựng chuồng trại 15.000m <sup>2</sup> và hệ thống xử lý phân, nước thải			20.000	500			
<b>6</b>	<b>Huyện Mộc Châu</b>						<b>18.000</b>	<b>9.100</b>			
6.1	Cơ sở bảo quản nông sản (Gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học)		Xã Chiềng Hắc	100 tấn/ngày hoặc 1.000 tấn/kho			3.000	2.100			
6.2	Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt tại nông thôn		Thị trấn Nông Trường, thị trấn Mộc Châu, xã Đông Sang, xã Mường Sang, xã Phiêng Luông	Đầu tư theo quy hoạch Nông thôn mới, khoảng 400 tr/d/xã, với diện tích khoảng 1ha			5.000	3.000			
6.3	Cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt		Xã Lóng Sập, xã Chiềng Khừa	100 con bò thịt trở lên			5.000	2.000			

STT	Tên dự án	Tên Doanh nghiệp dự kiến đầu tư	Địa điểm	Quy mô/Công suất (km, ha, tấn)	Công nghệ áp dụng	Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu hỗ trợ (Theo Nghị quyết 128- triệu đồng)	Triển độ thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Ghi chú
6.4	Nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô		Thị trấn Nông Trường, thị trấn Mộc Châu, xã Đông Sang, xã Mường Sang, xã Phiêng Lẻn	01 triệu cây/năm			5.000	2.000			
7	<b>Huyện Phù Yên</b>						11.005	4.540			
7.1	Liên kết sản xuất, tiêu thụ dưa lưới hữu cơ		Quang Huy	Trồng dưa lưới hữu cơ, áp dụng tưới nhỏ giọt trong nhà màng 10.000m <sup>2</sup> ; 15 - 17 tấn quả			5.000	500			
7.2	Kho lạnh bảo quản nông sản, trạm bơm phục vụ sản xuất		Huy Tường	40m <sup>3</sup> kho lạnh bảo quản nông sản, 01 trạm bơm			390	270			
7.3	Xưởng sơ chế, chế biến rau, củ, quả; kho lạnh bảo quản nông sản; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung		Mường Còi	200m <sup>2</sup> xưởng sơ chế, chế biến rau, củ, quả; 40m <sup>3</sup> kho lạnh bảo quản nông sản; 200m <sup>2</sup> cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung			1.315	780			
7.4	Kho lạnh bảo quản nông sản		Tường Phong	40m <sup>3</sup>			190	130			
7.5	Kho lạnh bảo quản nông sản; xưởng sơ chế, chế biến		Mường Bang	40m <sup>3</sup> kho lạnh bảo quản nông sản; 200m <sup>2</sup> xưởng sơ chế, chế biến			690	480			
7.6	Xưởng sơ chế, chế biến nông sản, rau, củ, quả; kho lạnh bảo quản nông sản		Huy Bắc	700m <sup>2</sup> xưởng sơ chế, chế biến nông sản, rau, củ, quả; 40m <sup>3</sup> kho lạnh bảo quản nông sản			1.940	1.350			
7.7	Xưởng sơ chế, chế biến nông sản, rau, củ, quả; kho lạnh bảo quản nông sản		Mường Thái	40m <sup>3</sup> kho lạnh bảo quản nông sản; 200m <sup>2</sup> xưởng sơ chế, chế biến			690	480			
7.8	Xưởng sơ chế, chế biến nông sản; kho lạnh bảo quản nông sản; đường tưới tiêu		Huy Hà	200m <sup>2</sup> xưởng sơ chế, chế biến nông sản; 40m <sup>3</sup> kho lạnh bảo quản nông sản; 500m đường tưới tiêu			790	550			
8	<b>Huyện Bắc Yên</b>						18.400	10.920			
8.1	Dự án xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm chè Shan tuyết đặc sản Tà Xùa (Hỗ trợ thuê đất và xây dựng nhà xưởng, ha tằm, máy móc thiết bị)		Xã Tà Xùa	Diện tích vùng nguyên liệu: 250 ha Nhà xưởng chế biến: 0,8 ha Công suất: 300 tấn/năm			3.700	2.220			
8.2	Dự án xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm quả mận hậu		Thị trấn Bắc Yên	Diện tích vùng nguyên liệu: 320 ha Nhà xưởng chế biến: 01 ha Công suất: 500 tấn/năm			3.500	2.100			

STT	Tên dự án	Tên Doanh nghiệp dự kiến đầu tư	Địa điểm	Quy mô/Công suất (km, ha, tấn)	Công nghệ áp dụng	Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu hỗ trợ (Theo Nghị quyết 128- triệu đồng)	Tiến độ thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Ghi chú
8.3	Dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi bò thịt tập trung		Xã Phiêng Ban, xã Phiêng Cồn	Quy mô > 100 con			3.500	2.000			
8.4	Dự án xây dựng cơ sở chế biến, cơ sở bảo quản cho sản phẩm quả táo Sơn Tra, được liệt (tháo quả, sơ nhân (tín))		Xã Phiêng Ban	Vùng nguyên liệu: Sơn tra 2.500 ha, táo quả 400 ha; Diện tích khu chế biến: 0,3 ha; Công suất: 500 tấn/năm Quy mô: >20 con dài gia súc/ngày đêm; lợn, dê > 100 con/ngày đêm; 500 con gia cầm/ngày đêm			3.500	2.100			
8.5	Dự án xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung		Thị trấn Bắc Yên				4.200	2.500			
9	<b>Huyện Mường La</b>						<b>17.494</b>	<b>9.020</b>			
9.1	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt		Xã Mường Bú	Thiết kế bê tông: xây dựng bê chứa, hố van; tổng chiều dài ống HDPE 4.172m phục vụ tưới cho 50 ha cây ăn quả			630	370			
9.2	Dự án xây dựng nhà xưởng, kho lạnh bảo quản nông sản		Xã Mường Bú	Nhà xưởng gồm 5 gian bằng khung thép chịu lực với diện tích 200 m <sup>2</sup> ; công suất 170tấn/năm			966	670			
9.3	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao		Xã Mường Bú	Thiết kế dạng trạm bơm lên bể chứa; xây dựng bể chứa, hố van; tổng chiều dài ống HDPE 2.470m phục vụ tưới cho 50 ha cây ăn quả			630	370			
9.4	Dự án xây dựng nhà xưởng, kho lạnh bảo quản trái cây		Xã Mường Bú	Nhà xưởng gồm 5 gian bằng khung thép chịu lực với diện tích 200 m <sup>2</sup> ; công suất 150tấn/năm			966	670			
9.5	Dự án Trang trại hỗn hợp chăn nuôi (bò, gà...) và trồng cây ăn quả		Xã Mường Chùm	Tổng chiều dài tuyến đường 2,8km; đường đắp bê tông lẻ rộng 4m, mặt rộng 3m; dẫn đến khu sản xuất 50ha; 100 con bò thịt			1.646	500			
9.6	Dự án xây dựng xương cơ chế, bảo quản nông sản		Xã Mường Chùm	Nhà xưởng gồm 5 gian bằng khung thép chịu lực với diện tích 200 m <sup>2</sup> ; công suất 140tấn/năm			950	660			
9.7	Dự án xây dựng xương cơ chế, chiết suất tinh dầu sả		Xã Pi Toong	Nhà xưởng bằng khung thép chịu lực với diện tích 300 m <sup>2</sup> ; sẵn bề tổng diện tích 60m <sup>2</sup> ; công suất 600 tấn lá/năm			1.500	900			
9.8	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao		Xã Mường Chùm	Thiết kế bê tông; xây dựng bể chứa, hố van; thiết kế đường ống tưới HDPE phục vụ tưới cho 50 ha cây ăn quả			2.000	500			

STT	Tên dự án	Tên Doanh nghiệp dự kiến đầu tư	Địa điểm	Quy mô/Công suất (km, ha, tấn)	Công nghệ áp dụng	Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng	Dự kiến tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Dự kiến nhu cầu hỗ trợ (Theo Nghị quyết 128- triệu đồng)	Tiến độ thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Ghi chú
9.9	Dự án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả ứng dụng công nghệ tưới phun tự động		Xã Mường Bú	Bé lằng: xây dựng bể chứa, hồ van; thiết kế đường ống tưới HDPE phục vụ tưới cho 50 ha cây ăn quả			2.000	500			
9.10	Dự án xây dựng nhà xưởng, kho lạnh bảo quản nông sản		Xã Mường Bú	Nhà xưởng gồm 5 gian bằng khung thép chịu lực với diện tích 200 m <sup>2</sup> ; công suất 170 tấn/năm			1.200	840			
9.11	Dự án xây dựng nhà xưởng, kho lạnh bảo quản nông sản		Xã Mường Bú	Nhà xưởng gồm 5 gian bằng khung thép chịu lực với diện tích 200 m <sup>2</sup> ; công suất 150 tấn/năm			966	670			
9.12	Chăn nuôi bò tập trung		Xã Mường Chùm	150 con			3.500	2.000			
9.13	Dự án xây dựng nhà xưởng, kho lạnh bảo quản nông sản		Xã Mường Trai	Nhà xưởng bằng khung thép chịu lực với diện tích 300 m <sup>2</sup> ; Quy mô > 100 con			541	370			
10	<b>Huyện Vân Hồ</b>		<b>0 xã: Vạn Thọ, Chiềng Khoa, Chiềng Yên, Tô</b>	<b>600 ha</b>			<b>810.000</b>	<b>11.500</b>			
10.1	Dự án liên kết phát triển vùng nguyên liệu trồng rau an toàn phục vụ cho Nhà máy chế biến		02 xã: xã Liên Hòa, Song Khùa	Quy mô >500 con; 250 ha, trong đó 200 ha vùng nguyên liệu			150.000	500			
10.2	Phát triển chăn nuôi đại gia súc (Bò thịt chất lượng cao)		xã Vân Hồ, Lóng Luông	Quy mô > 500 con, 100 ha			250.000	5.000			
10.3	Dự án chăn nuôi bò sữa, phát triển vùng trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò sữa		03 xã: xã Xuân Nha, xã Tân Xuân, Chiềng Xuân	300 ha			80.000	500			
10.4	Liên kết thực hiện dự án Trồng rừng nguyên liệu, khoanh nuôi, bảo vệ rừng và trồng cây được liệu		14 xã trên địa bàn huyện	500 ha			250.000	500			
10.5	Liên kết phát triển vùng nguyên liệu cây ăn quả tập trung trên địa bàn huyện										